TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 301/2025/DS-PT
Ngày 31 tháng 10 năm 2025
Về việc "Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự: Hợp đồng mua bán tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hữu Giàu.

Các Thẩm phán: Bà Đào Nữ Ngọc Lan và bà Trịnh Ngọc Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 283/2025/TLPT-DS, ngày 6 tháng 10 năm 2025, về việc "Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự: Hợp đồng mua bán tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 152/2025/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 269/2025/QĐXXPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH V; trụ sở: Số G khu phố K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (nay là số G khu phố K, xã T, tỉnh An Giang).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Tuấn A – Chức vụ: Giám đốc Công ty.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983;

2.2. Bà Phạm Ngọc T1, sinh năm 1984;

Cùng cư trú: Số A đường N, KDC B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số A đường N, KDC B, phường L, tỉnh An Giang).

Tại phiên tòa có mặt ông Đặng Tuấn A, ông Nguyễn Thanh T, vắng mặt bà Phạm Ngọc T1 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, do người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH V (sau đây gọi tắt là Công ty) trình bày:

Theo nội dung trình bày tại đơn khởi kiện: Giữa Công ty với ông T, bà T1 có thỏa thuận mua bán thuốc bảo vệ thực vật với thỏa thuận mua hàng thanh toán tiền ngay, nếu sau 10 ngày không thanh toán thì bắt đầu tính lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng, sau nhiều lần mua hàng ông T có chốt nợ với Công ty xác nhận nợ số tiền là 642.195.000 đồng tại biên bản xác nhận nợ ngày 31/10/2019, từ ngày 31/10/2019 đến ngày 19/12/2022 ông T, bà T1 đã trả được 320.000.000 đồng, còn chưa thanh toán số tiền là 322.195.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo thỏa thuận.

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 18/11/2024: Công ty xác định lại chỉ yêu cầu ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả số tiền mua bán thuốc bảo vệ thực vật còn nợ lại theo xác nhận nợ ngày 31/10/2019 là 322.195.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 08%/năm kể từ ngày 31/10/2019 đến ngày 18/11/2020 là 157.432.658 đồng.

Do số tiền này xuất phát là tiền mua bán thuốc bảo vệ thực vật giữa Công ty TNHH V với Công ty TNHH T2 do ông Nguyễn Thanh T làm giám đốc; nay Công ty TNHH T3 Vàng ngừng hoạt động thì Công ty TNHH V chỉ yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả số tiền gốc và lãi trên, không yêu cầu bà T1 là vợ ông T liên đới nghĩa vụ trả.

Tuy nhiên, đến ngày 21/11/2024 Công ty TNHH V có đơn thay đổi nội dung hòa giải thành, Tòa án đã ra Thông báo số 364/TB-TLVA ngày 14/4/2025 về việc không ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, nên xác định yêu cầu khởi kiện vụ án, như sau:

Công ty TNHH V yêu cầu: Buộc ông T và bà T1 phải trả số tiền gốc và lãi theo quy định pháp luật. Tiền lãi và gốc tạm tính đến ngày 01/4/2023 là 467.262.223 đồng. Đồng thời ông T, bà T1 còn phải tiếp tục trả lãi khoản nợ gốc cho đến ngày Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử.

Ngày 27/11/2024, ông T trả 20.000.000 đồng và ngày 18/4/2025, ông T trả 20.000.000 đồng. Như vậy nợ gốc còn 182.195.000 đồng, tính lãi đến ngày 30/5/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) là 170.711.980 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Phạm Ngọc T1 trình bày:

- Ông Nguyễn Thanh T, tại biên bản hòa giải ngày 18/11/2024 trình bày, Ông xác định số tiền nợ gốc Công ty TNHH V với Công ty TNHH T2 do ông đại diện, còn nợ lại phía nguyên đơn là 322.195.000 đồng. Riêng tiền lãi do trong hai năm 2021, 2022 dịch covid-19 không thể kinh doanh được nên ông đề

nghị phía nguyên đơn không tính lãi trong thời gian này là 62.456.913 đồng. Số tiền còn lại gốc 322.195.000 đồng và lãi là 94.625.777 đồng ông tự nguyện chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán cho Công ty TNHH V. Ngày 27/11/2024, ông trả được 20.000.000 đồng và ngày 18/4/2025, ông trả 20.000.000 đồng. Như vậy nợ gốc còn 182.195.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận.

- Bà Phạm Ngọc T1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến, nhưng tại bản tự khai đề ngày 08/11/2024 trình bày: bà là vợ của ông T, việc làm ăn giữa ông T với ông Đặng Tuấn A bà không có liên quan và trách nhiệm giữa đôi bên, có đôi lần bà có thay mặt Công ty T3 Vàng đến Công ty V thanh toán trả tiền hàng dùm, ngoài sự việc nêu trên bà không có trách nhiệm gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 152/2025/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang) tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty TNHH V đối với ông Nguyễn Thanh T, bà Phạm Ngọc T1.

- Buộc ông Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH V tổng số 452.906.980 đồng *(Bốn trăm năm mươi hai triệu, chín trăm không sáu nghìn, chín trăm tám mươi đồng)* (trong đó số tiền nợ gốc là 282.195.000 đồng, tiền nợ lãi là 170.711.980 đồng), tính đến ngày 30/5/2025.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V về việc yêu cầu bà Phạm Ngọc T1 liên đới cùng ông T trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho Công ty TNHH V và một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)*.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/6/2025, Công ty TNHH V kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 152/2025/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang). Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Phạm Ngọc T1 có nghĩa vụ liên đới trả hết số nợ gốc và lãi theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Nguyên đơn trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo vì quá trình kinh doanh mua bán đều có bà T1 tham gia, việc mua bán của ông T nhằm mục đích kiếm lợi nhuận phục vụ đời sống gia đình. Do đó ông T và bà T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Công ty TNHH V.

- *Bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:* Thống nhất với bản án sơ thẩm, không có ý kiến khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH V; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 152/2025/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang) do bị đơn có trả một phần nợ sau khi xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của Công ty TNHH V trong hạn luật định, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự còn lại không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị đối với bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa bà Phạm Ngọc T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Theo đơn khởi kiện, Công ty TNHH V (Công ty) yêu cầu ông T, bà T1 có nghĩa vụ thanh toán tiền mua bán thuốc bảo vệ thực vật là 322.195.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo thỏa thuận.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty xác nhận phía bị đơn có trả nợ gốc được 40.000.000 đồng (ngày 27/11/2024 trả 20.000.000 đồng; ngày 18/4/2025 trả 20.000.000 đồng), nợ gốc còn phải trả là 282.195.000 đồng và Công ty xác định rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Phạm Ngọc T1 chỉ yêu cầu ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả nợ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty buộc ông Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tổng số tiền 452.906.980 đồng *(Bốn trăm năm mươi hai triệu, chín trăm không sáu nghìn, chín trăm tám mươi đồng)* (trong đó số tiền nợ gốc là 282.195.000 đồng, tiền nợ lãi là 170.711.980 đồng), tính đến ngày 30/5/2025, đồng thời đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V đối với bà Phạm Ngọc T1.

Xét kháng cáo của Công ty TNHH V, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm Công ty đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Phạm Ngọc T1, xem như Công ty chỉ yêu cầu ông Nguyễn Thanh T trả nợ (bà T1 không có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả nợ) nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét giải quyết đối với bà T1 là phù hợp với Điều 5 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH V.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn Công ty TNHH V và bị đơn ông T thống nhất xác định vào ngày 14/8/2025 (sau khi xét xử sơ thẩm),

ông T có trả vốn được 20.000.000 đồng. Vậy còn nợ gốc là 262.195.000 đồng, còn lãi suất thống nhất như bản án sơ thẩm đã xét xử.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH V, nhưng đề nghị sửa bản án sơ thẩm do bị đơn có trả một phần nợ sau khi xét xử sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên Công ty TNHH V phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phúc xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH V.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 152/2025/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang).

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty TNHH V đối với ông Nguyễn Thanh T, bà Phạm Ngọc T1.

- Buộc ông Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH V tổng số 432.906.980 đồng *(Bốn trăm ba mươi hai triệu, chín trăm không sáu nghìn, chín trăm tám mươi đồng)* (trong đó số tiền nợ gốc là 262.195.000 đồng, tiền nợ lãi là 170.711.980 đồng), tính đến ngày 30/5/2025.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V về việc yêu cầu bà Phạm Ngọc T1 liên đới cùng ông T trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho Công ty TNHH V và một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)*.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH V được hoàn trả 11.345.000 đồng *(Mười một triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001547 ngày 09 tháng 10 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên cấp.

- Ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 22.116.279 đồng *(Hai mươi hai triệu, một trăm mười sáu nghìn, hai trăm bảy*

mươi chín đồng), ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ nộp án phí tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Bà Phạm Ngọc T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH V phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm nộp án phí theo biên lai thu số 0003137 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên (nay là Phòng Thi hành án Khu vực 9 – An Giang).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TPHCM;
- VKSND AG;
- Phòng GĐ KT TT và THA;
- TAND Khu vực;
- Phòng THA Khu vực;
- Đương sự (để thi hành);
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Hữu Giàu